

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai dự toán thu, chi ngân sách đảng cấp tỉnh năm 2022

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 1539/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Quy định số 3869-QĐ/VPTW ngày 21/6/2019 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc công khai dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước và tình hình quản lý, sử dụng vốn, tài sản, các quỹ tại các cơ quan, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 837-QĐ/TU ngày 28/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách đảng cấp tỉnh năm 2022;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính Đảng,

CHÁNH VĂN PHÒNG TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách đảng cấp tỉnh năm 2022 như sau:

- | | |
|--------------|----------------------|
| 1. Tổng thu: | 68.132.700.000 đồng. |
| 2. Tổng chi: | 68.132.700.000 đồng. |

(Đính kèm theo phụ lục chi tiết)

Điều 2. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ Tỉnh ủy, Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh và Văn phòng Tỉnh ủy chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này; Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Như điều 2,
- Văn phòng Tỉnh ủy,
- Sở Tài chính,
- KBNN Hậu Giang,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy. MINH-22

**K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Phan Thị Xuyên



DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022
(Đính kèm theo Quyết định số 162-QĐ/NPTU ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Văn phòng Tỉnh ủy Hậu Giang)

Đơn vị tính: Ngân đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó													
				Văn phòng Tỉnh ủy	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	Ban Nội chính Tỉnh ủy	Ban Dân vận Tỉnh ủy	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	Đảng ủy Khối các cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh	Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Tỉnh ủy						
1	Tổng số thu tại đơn vị	68.132.700	68.132.700														
1	Thu ngân phi được cân đối chi hoạt động	-	-														
2	Thu từ hoạt động sự nghiệp	-	-														
3	Thu khác	-	-														
4	Kinh phí Ngân sách Nhà nước cấp theo dự toán	68.132.700	68.132.700														
	Trong đó: + Lương, các khoản phụ cấp theo lương, khoản có tính chất theo lương và các khoản chi cho con người theo chế độ (kể cả KP thực hiện chính sách theo Nghị quyết 26/2015/NQ-CP của Chính phủ)	26.168.000	26.168.000														
	+ Chi hoạt động thường xuyên	6.329.700	6.329.700														
	+ Kinh phí đặc thù	35.635.000	35.635.000														
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	-														
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	68.132.700	68.132.700	28.692.867	8.212.929	9.016.506	2.879.518	3.532.050	3.963.013	6.494.319	5.341.498						
I	Chi quản lý hành chính	68.132.700	68.132.700	28.692.867	8.212.929	9.016.506	2.879.518	3.532.050	3.963.013	6.494.319	5.341.498						
I.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	32.549.700	32.549.700	9.252.110	4.609.845	4.200.244	2.646.526	2.810.289	3.579.385	4.659.409	791.894						
	- Chi lương, các khoản phụ cấp theo lương, khoản có tính chất theo lương và các khoản chi cho con người theo chế độ (kể cả KP thực hiện chính sách theo Nghị quyết 26/2015/NQ-CP của Chính phủ)	26.220.000	26.220.000	7.426.910	3.717.045	3.440.644	2.086.726	2.250.489	2.952.985	3.733.309	611.894						
	- Chi hoạt động thường xuyên theo định mức	6.329.700	6.329.700	1.825.200	892.800	759.600	559.800	559.800	626.400	926.100	180.000						
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	35.583.000	35.583.000	19.440.757	3.603.084	4.816.263	232.992	721.762	383.628	1.834.910	4.549.604						
	Trong đó:																
-	Chi trợ cấp tết cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động	88.000	88.000	26.500	13.000	10.000	7.000	8.000	9.000	13.000	1.500						
-	Hoạt động công thông tin	250.000	250.000			250.000											
-	Kinh phí khám sức khỏe và tiền thuốc do Ban Bảo vệ sức khỏe quản lý	3.962.000	3.962.000								3.962.000						
-	Phụ cấp bổ trợ luận xã hội	180.000	180.000			180.000											
-	Hội nghị Ban chấp hành, hội nghị do Ban Thường vụ triệu tập, hội nghị tổng kết hàng năm của các cơ quan tham mưu, giúp việc của TV	1.435.000	1.435.000	850.000	60.000	220.000	60.000	110.000	60.000	60.000	15.000						
-	Kinh phí biên soạn quyển địa chí Hậu Giang	1.000.000	1.000.000			1.000.000											
-	Kinh phí hoạt động công tác đảng cơ sở và phụ cấp trách nhiệm cấp ủy viên	1.894.000	1.894.000	533.332	47.084	41.720	30.992	30.992	25.628	1.065.648	118.604						
-	Kinh phí hoạt động và chi phí thù lao trách nhiệm Ban chỉ đạo 35	597.000	597.000			459.388				137.612							
-	Kinh phí thuế vệ sinh, bảo dưỡng khuôn viên công viên	2.700.000	2.700.000	2.700.000													
-	Kinh phí thuế vệ sinh cơ quan	360.000	360.000	360.000													
-	Kinh phí mua sắm sửa chữa tài sản và môi trường vệ sinh đặc thù khác	23.117.000	23.117.000	14.970.925	3.483.000	2.655.155	135.000	572.770	289.000	558.650	452.500						